TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thụy Phương Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Phước
2. Ông Phan Kim Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 9, ngày 18 và ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2018/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 9/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962
Địa chỉ: đường M, khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Vương Thị L, sinh năm 1962
Địa chỉ: đường F, phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong suốt quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà Vương Thị L chung sống với nhau và đăng ký kết hôn từ năm 1982 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đtheo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 22/3/1982(nay là Ủy ban nhân dân phường L, Quận M).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai tính cách không hợp nhau, không còn tôn trọng nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Bà L không tôn trọng chồng thường xuyên buộc ông phải nghe theo lệnh của bà L. Cuộc sống vợ chồng ngày càng xa cách mặc dù ông đã cố gắng cùng ngồi lại trao đổi để bà L sửa đổi nhưng không có kết quả. Do đó ông bà đã quyết định sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Mỗi người đều có cuộc sống riêng ổn định. Cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không liên lạc với nhau.

Nay tại Tòa ông Nguyễn Văn C xác định ông không còn tình cảm dành cho bà L nên yêu cầu ly hôn dứt khoát với bà L.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Anh K sinh ngày 12/11/1993 và Nguyễn Thị Lan P sinh ngày 03/5/1983 . Hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà Vương Thị L trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của ông C về thời điểm sống chung, đăng ký kết hôn là đúng sự thật. Bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2014. Cả hai không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn dành tình cảm cho nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C có người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông C vẫn không thay đổi. Vợ chồng thường xuyên gây gỗ, bất đồng quan điểm nên cả hai đã quyết định không chung sống cùng nhau. Nay ông C yêu cầu ly hôn bà cũng không muốn níu kéo do tình cảm vợ chồng không còn tuy nhiên bà không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con chung. Đề nghị ông C chờ đến khi các con chung lập gia đình bà sẽ thuận tình ly hôn với ông C.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Anh K sinh ngày 12/11/1993 và Nguyễn Thị Lan P sinh ngày 03/5/1983 . Hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 1 do Ủy ban nhân nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, huyện Thủ Đức cấp ngày 22/3/1982 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Ông C yêu cầu ly hôn do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn căn cứ khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu của ông C xin ly hôn là có cơ sở pháp luật.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Anh K sinh ngày 12/11/1993 và Nguyễn Thị Lan P sinh ngày 03/5/1983 . Hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn bà Vương Thị L

có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Văn C và bà Vương Thị L chung sống với nhau từ năm 1982, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn từ năm 1982 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 22/3/1982(nay là Ủy ban nhân dân phường L, Quận M). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà ông Nguyễn Văn C và bà Vương Thị L là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C yêu cầu ly hôn với bà Vương Thị L. Hội đồng xét xử nhận định

Ông C và bà L đều xác nhận về thời gian bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cách đây nhiều năm, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt, tuy các bên không thống nhất về thời điểm hai người bắt đầu sống ly thân nhưng cả hai đều xác nhận không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, không còn dành tình cảm cho nhau đã nhiều năm nay. Nay tại phiên Tòa bà L cũng xác định không muốn níu kéo do không còn tình cảm nhưng bà L vẫn cương quyết không đồng ý ly hôn do sợ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con.

Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên cùng nhau gây dựng hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong khi ông C và bà L đều xác nhận đã ly thân nhiều năm và hiện cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và bà L là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết. Vì vậy nếu vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà L cũng không có kết quả.

Các con chung của ông C và bà L đều đã trưởng thành.Vì vậy lý do bà L không đồng ý ly hôn do lo sợ ảnh hưởng đến con và yêu cầu ông C đợi đến khi các con kết hôn bà sẽ thuận tình ly hôn là không phù hợp.

[4] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Anh K sinh ngày 12/11/1993 và Nguyễn Thị Lan P sinh ngày 03/5/1983 . Hai con đều đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Án phí: Ông C phải chịu tiền án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà ông Nguyễn Văn C

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Vương Thị L

-Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Anh K sinh ngày 12/11/1993 và Nguyễn Thị Lan P sinh ngày 03/5/1983. Hai con đều đã thành niên nên không xét.

-Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (hai trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn C, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AE/2014/0008871 ngày 29/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Ông C đã nộp đủ án phí. Bà L không phải nộp án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thụy Phương Thảo